

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 – ĐỀ 3

MÔN: TIẾNG ANH 5 GLOBAL SUCCESS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

I. Choose the word, which has a different stress pattern from the others

1.

A. morning /'mɔ:nɪŋ/

B. weekend /,wi:k'end/

C. tonight /tə'naɪt/

2.

A. sandwich /'sænwɪdʒ/

B. balloon /bə'lu:n/

C. dolphin /'dɒlfɪn/

3.

A. colour /'kʌlə/

B. report /rɪ'pɔ:t/

C. address /ə'dres/

II. Listen and complete. Write no more than three words.**Bài nghe:**

1. What's your favourite sport, Mary?

It's swimming.

2. What's your address, Mary?

I live in 54 Queen Street.

3. Who's this, Mary?

It's my new friend. He's from Japan.

4. What do you do on Sundays, Mary? Do you play the violin?

No, I don't. I water the flowres in the garden.

5. I like dolphins. Do you like them too, Mary?

Yes, they're so clever.

Tạm dịch :

1. Môn thể thao yêu thích của bạn là gì, Mary?

Là bơi lội á.

2. Địa chỉ của bạn là gì, Mary?

Tôi sống ở số 54 phố Queen.

3. Đây là ai vậy Mary?

Đó là người bạn mới của tôi. Cậu ấy đến từ Nhật Bản.

4. Bạn làm gì vào ngày chủ nhật, Mary? Bạn có chơi violin không?

Tôi không. Tôi tưới hoa trong vườn cơ.

5. Tôi thích cá heo. Bạn có thích chúng không, Mary?

Có, chúng rất thông minh.

1. Mary's favourite sport is **swimming**.

(Môn thể thao yêu thích của Mary là bơi lội.)

2. Mary lives at 54 **Queen Street**.

(Mary sống ở 54 phố Queen.)

3. Mary's new friend comes from **Japan**.

(Người bạn mới của Mary đến từ Nhật Bản.)

4. On Sundays, Mary doesn't **play the violin**.

(Vào những ngày Chủ Nhật, Mary không chơi đàn violin.)

5. Mary likes dolphins because they're **clever**.

(Mary thích cá heo bởi vì chúng thông minh.)

III. Listen and decide each sentence below is True or False.**Bài nghe:**

Tom is a boy from Australia. He likes pizza and the colour blue. His favourite animal is a dolphin. He has a lot of posters of dolphins in his room. In his free time, he surfs the Internet to learn more about dolphins. Tom is a helpful boy. He likes helping his mother with the cooking. At the weekend, they often make a pizza and enjoy it together.

Tạm dịch:

Tom là một cậu bé đến từ Úc. Anh ấy thích pizza và màu xanh lam. Động vật yêu thích của anh ấy là cá heo. Anh ấy có rất nhiều áp phích hình cá heo trong phòng. Khi rảnh rỗi, anh

ấy lướt Internet để tìm hiểu thêm về cá heo. Tom là một cậu bé hữu ích. Anh ấy thích giúp mẹ nấu ăn. Vào cuối tuần, họ thường làm pizza và cùng nhau thưởng thức.

1. Tom is Australian.

(Tom là người Úc.)

Thông tin: Tom is a boy from Australia.

(Tom là một cậu bé đến từ Úc.)

=> **True**

2. His favourite food is pizza.

(Món ăn yêu thích của anh ấy là bánh pizza.)

Thông tin: He likes pizza and the colour blue.

(Anh ấy thích pizza và màu xanh lam.)

=> **True**

3. His favourite colour is green.

(Màu sắc yêu thích của anh ấy là màu xanh lá.)

Thông tin: He likes pizza and the colour blue.

(Anh ấy thích pizza và màu xanh lam.)

=> **False**

4. There are a lot of posters of pizza in his room.

(Có nhiều tấm áp phích của bánh pizza trong phòng của anh ấy.)

Thông tin: He has a lot of posters of dolphins in his room.

(Anh ấy có rất nhiều áp phích hình cá heo trong phòng.)

=> **False**

5. Tom and his mother often eat pizza at the weekend.

(Tom và mẹ của anh ấy thường ăn pizza vào cuối tuần.)

Thông tin: At the weekend, they often make a pizza and enjoy it together.

(Vào cuối tuần, họ thường làm pizza và cùng nhau thưởng thức.)

=> **True**

IV. Choose the correct answer.

1. play the violin: chơi đàn vĩ cầm

She often **plays** the violin in her free time.

(Cô ấy thường chơi đàn vĩ cầm vào thời gian rảnh.)

=> **Chọn A**

2. Câu trúc hỏi về tính cách của ai đó: What's + S + like?

What's she **like**? – She is very friendly.

(*Cô ấy là người như thế nào? – Cô ấy rất thân thiện.*)

=> **Chọn C**

3. “Live” là động từ nên khi thành lập câu hỏi thì phải dùng trợ động từ. Chủ ngữ “Maria” là ngôi thứ ba số ít nên trợ động từ dùng tương ứng là “does”.

Where **does** Maria live?

(*Maria sống ở đâu?*)

=> **Chọn C**

4. would like ('d like) + to V

I'd like **to be** a firefighter.

(*Tôi muốn trở thành một người lính cứu hỏa.*)

=> **Chọn A**

5.

countryside (n): vùng quê

city (n): thành phố

mountains (n): vùng núi

I live in the **city**. There are a lot of buildings there.

(*Tôi sống ở thành phố. Có rất nhiều tòa nhà ở đây.*)

=> **Chọn B**

V. Read and choose the correct answers.

Hello! I'm Emily, and I'm from America. I love trees and basketball. I often play basketball with my friend, An. She's from Canada. She loves gardening, playing sports and playing the violin. In our free time, we usually water the flowers in the garden together. I would like to become a gardener, while An dreams of becoming a musician. We live in a big house near an international school in Ha Noi. We are in Grade 5 there.

Tạm dịch:

Xin chào! Tôi là Emily và tôi đến từ Mỹ. Tôi yêu cây cối và bóng rổ. Tôi thường chơi bóng rổ với bạn tôi, An. Cô ấy đến từ Canada. Cô ấy thích làm vườn, chơi thể thao và chơi violin. Khi rảnh rỗi, chúng tôi thường cùng nhau tưới hoa trong vườn. Tôi muốn trở thành

người làm vườn, còn An mơ ước trở thành nhạc sĩ. Chúng tôi sống trong một ngôi nhà lớn gần một trường quốc tế ở Hà Nội. Chúng tôi đang học lớp 5 ở đó.

1. What does Emily like?

(Emily thích gì?)

A. Trees and violin.

(Cây cối và đàn violin.)

B. Violin and basketball.

(Violin và bóng rổ.)

C. Trees and basketball.

(Cây cối và bóng rổ.)

Thông tin: I love trees and basketball.

(Tôi thích cây cối và bóng rổ.)

=> **Chọn C**

2. What's An's nationality?

(Quốc tịch của An là gì?)

A. Canadian.

(Người Canada.)

B. American.

(Người Mỹ.)

C. Vietnamese.

(Người Việt Nam.)

Thông tin: I often play basketball with my friend, An. She's from Canada.

(Tôi thường chơi bóng rổ với bạn tôi, An. Cô ấy đến từ Canada.)

=> **Chọn A**

3. What do they both like doing?

(Cả hai đều thích làm gì?)

A. Going for a walk and cycling.

(Đi dạo và đạp xe.)

B. Playing basketball and gardening.

(Chơi bóng rổ và làm vườn.)

C. Playing the violin and the piano.

(Chơi violin và piano.)

Thông tin: I love trees and basketball. I often play basketball with my friend, An. She's from Canada. She loves gardening...

(Tôi yêu cây cối và bóng rổ. Tôi thường chơi bóng rổ với bạn tôi, An. Cô ấy đến từ Canada. Cô ấy thích làm vườn...)

=> **Chọn B**

4. What would Emily like to be in the future?

(Emily muốn trở thành ai trong tương lai?)

A. A gardener.

(Người làm vườn.)

B. A school teacher.

(Một giáo viên trong trường.)

C. A musician.

(Một nhạc sĩ.)

Thông tin: I would like to become a gardener

(Tôi muốn trở thành người làm vườn)

=> **Chọn A**

5. What thing(s) do they share?

(Họ giống nhau những điều gì?)

A. A house.

(Một ngôi nhà.)

B. A garden.

(Một khu vườn.)

C. A house and a school.

(Một ngôi nhà và một trường học.)

Thông tin: We live in a big house near an international school in Ha Noi. We are in Grade 5 there.

(Chúng tôi sống trong một ngôi nhà lớn gần một trường quốc tế ở Hà Nội. Chúng tôi đang học lớp 5 ở đó.)

=> **Chọn C**

VI. Reorder the words to make correct sentences.

1. like/ Why/ you/ would/ a doctor?/ to be

Why would you like to be a doctor?

(Tại sao bạn muốn trở thành một bác sĩ.)

2. the/ at/ weekend?/ What / you/ do/ do

What do you do at the weekend?

(Bạn làm gì vào cuối tuần?)

3. nationality/ are/ they?/ What

What nationality are they?

(Quốc tịch của bạn là gì?)

4. yourself?/ Can/ tell/ you/ me/ about

Can you tell me about yourself?

(Có thể kể cho tôi về bạn không?)

5. favourite/ What's/ your/ subject?

What's your favourite subject?

(Môn học yêu thích của bạn là gì?)